

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2023

*V/v Tranh chấp hôn nhân gia
đình và nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Vũ Hà và bà Trần Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 150, tỉnh lộ 945, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987; Địa chỉ: 144/35 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Hoàng V tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2017. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng bà hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp,

bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hòa giải với nhau nên vợ chồng bà đã sống ly thân 5 năm nay.

Nay bà T thấy không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung là Nguyễn Trí M, sinh ngày 16/11/2016 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 14/10/2017. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông V đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- ***Về tố tụng:*** Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- ***Về nội dung:*** Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Huyền T là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trí M, sinh ngày 16/11/2016 và cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 14/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Huyền T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T, Tòa án nhân dân thành phố B xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông V đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt ông V.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời trình bày của bà T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn số 14 ngày 03/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của bà T, ông V thì bà T cho rằng trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra cãi vã và kéo dài. Do mâu thuẫn quá lớn và không thể giải quyết được vì vậy bà T và ông V đã sống ly thân nhau, bà T đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay bà T xét thấy không còn cơ hội hàn gắn gia đình nên bà T xin được ly hôn với ông V.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông V xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà T xin ly hôn ông V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung cháu Nguyễn Trí M, sinh ngày 16/11/2016 và cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 14/10/2017. Về con, hiện nay 2 cháu đều ở với bà T, quá trình giải quyết vụ án ông V đều vắng mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Trí M và cháu Đức M đến tuổi trưởng thành. Xét nguyện vọng của bà T và các điều kiện về việc nuôi dưỡng con chung nên xét thấy cần giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Huyền T. Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Trí M, sinh ngày 16/11/2016 và cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 14/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Nguyễn Hoàng V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T ông V không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Duy T đã nộp thay theo biên lai số: AA/2022/0001715 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Hoàng V không phải chịu tiền án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

